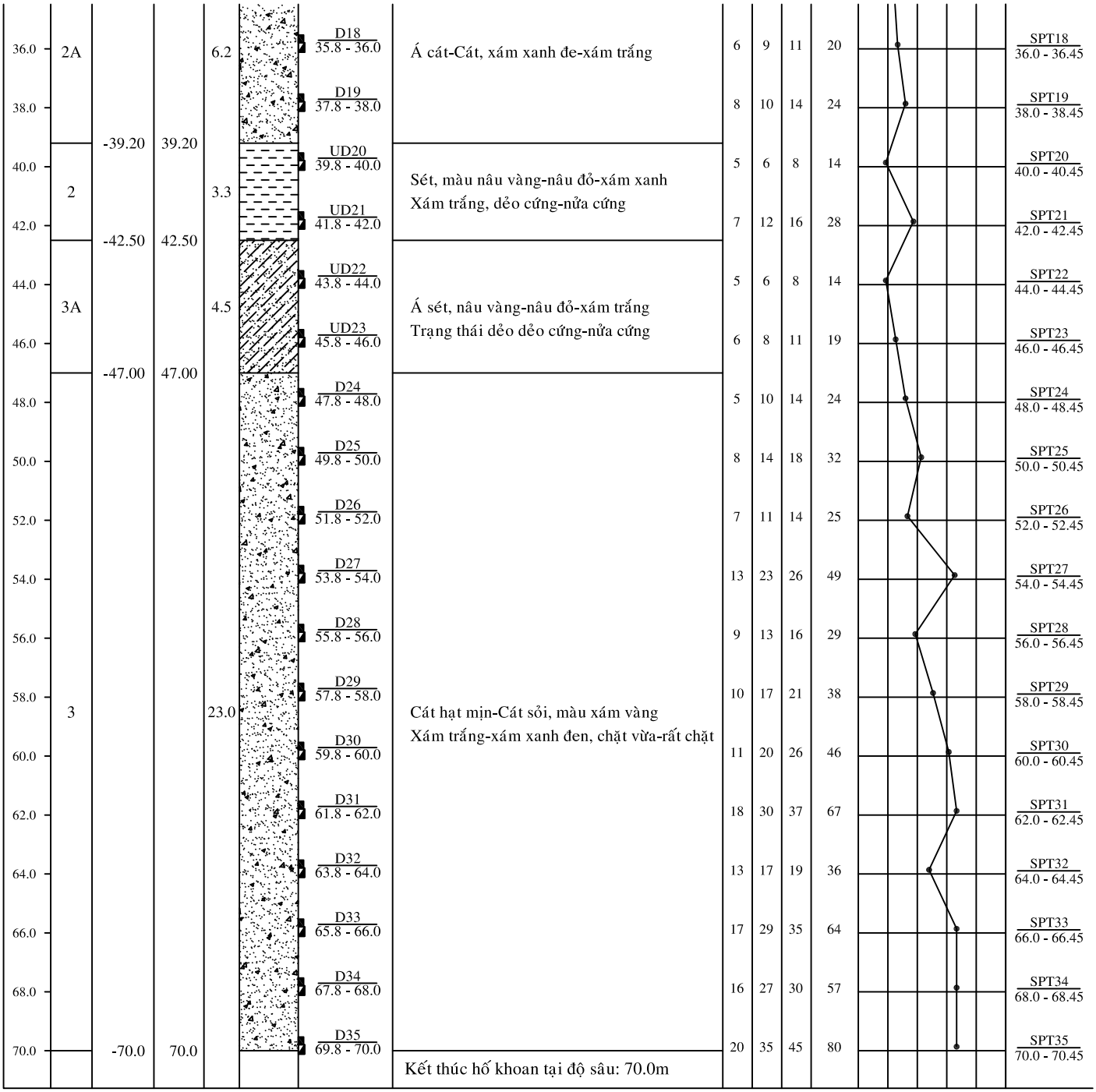
36.0
38.0
40.0
42.0
44.0
46.0
48.0
50.0
52.0
54.0
56.0
58.0
60.0
62.0
64.0
66.0
68.0
70.0
2A
2
3A
3
-39.20
-42.50
-47.00
-70.0
39.20
42.50
47.00
70.0
6.2
3.3
4.5
23.0
D18 35.8 - 36.0
D19 37.8 - 38.0
UD20 39.8 - 40.0
UD21 41.8 - 42.0
UD22 43.8 - 44.0
UD23 45.8 - 46.0
D24 47.8 - 48.0
D25 49.8 - 50.0
D26 51.8 - 52.0
D27 53.8 - 54.0
D28 55.8 - 56.0
D29 57.8 - 58.0
D30 59.8 - 60.0
D31 61.8 - 62.0
D32 63.8 - 64.0
D33 65.8 - 66.0
D34 67.8 - 68.0
D35 69.8 - 70.0
Á cát-Cát, xám xanh đe-xám trắng
Sét, màu nâu vàng-nâu đỏ-xám xanh
Xám trắng, dẻo cứng-nửa cứng
Á sét, nâu vàng-nâu đỏ-xám trắng
Trạng thái dẻo dẻo cứng-nửa cứng
Cát hạt mịn-Cát sỏi, màu xám vàng
Xám trắng-xám xanh đen, chặt vừa-rất chặt
Kết thúc hố khoan tại độ sâu: 70.0m
6 9 11 20
8 10 14 24
5 6 8 14
7 12 16 28
5 6 8 14
6 8 11 19
5 10 14 24
8 14 18 32
7 11 14 25
13 23 26 49
9 13 16 29
10 17 21 38
11 20 26 46
18 30 37 67
13 17 19 36
17 29 35 64
16 27 30 57
20 35 45 80
SPT18 36.0 - 36.45
SPT19 38.0 - 38.45
SPT20 40.0 - 40.45
SPT21 42.0 - 42.45
SPT22 44.0 - 44.45
SPT23 46.0 - 46.45
SPT24 48.0 - 48.45
SPT25 50.0 - 50.45
SPT26 52.0 - 52.45
SPT27 54.0 - 54.45
SPT28 56.0 - 56.45
SPT29 58.0 - 58.45
SPT30 60.0 - 60.45
SPT31 62.0 - 62.45
SPT32 64.0 - 64.45
SPT33 66.0 - 66.45
SPT34 68.0 - 68.45
SPT35 70.0 - 70.45